

ĐÀO TẠO HÀNH ĐỘNG VÌ KHÍ HẬU VỚI TRỌNG TÂM HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG CHO NHÀ MÁY NGÀNH THỜI TRANG

Mô-đun 4: Thiết lập mục tiêu

Sáng kiến Liên kết Toàn cầu (IGS) | Tháng 9 năm 2022



Hợp tác
Đức

DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

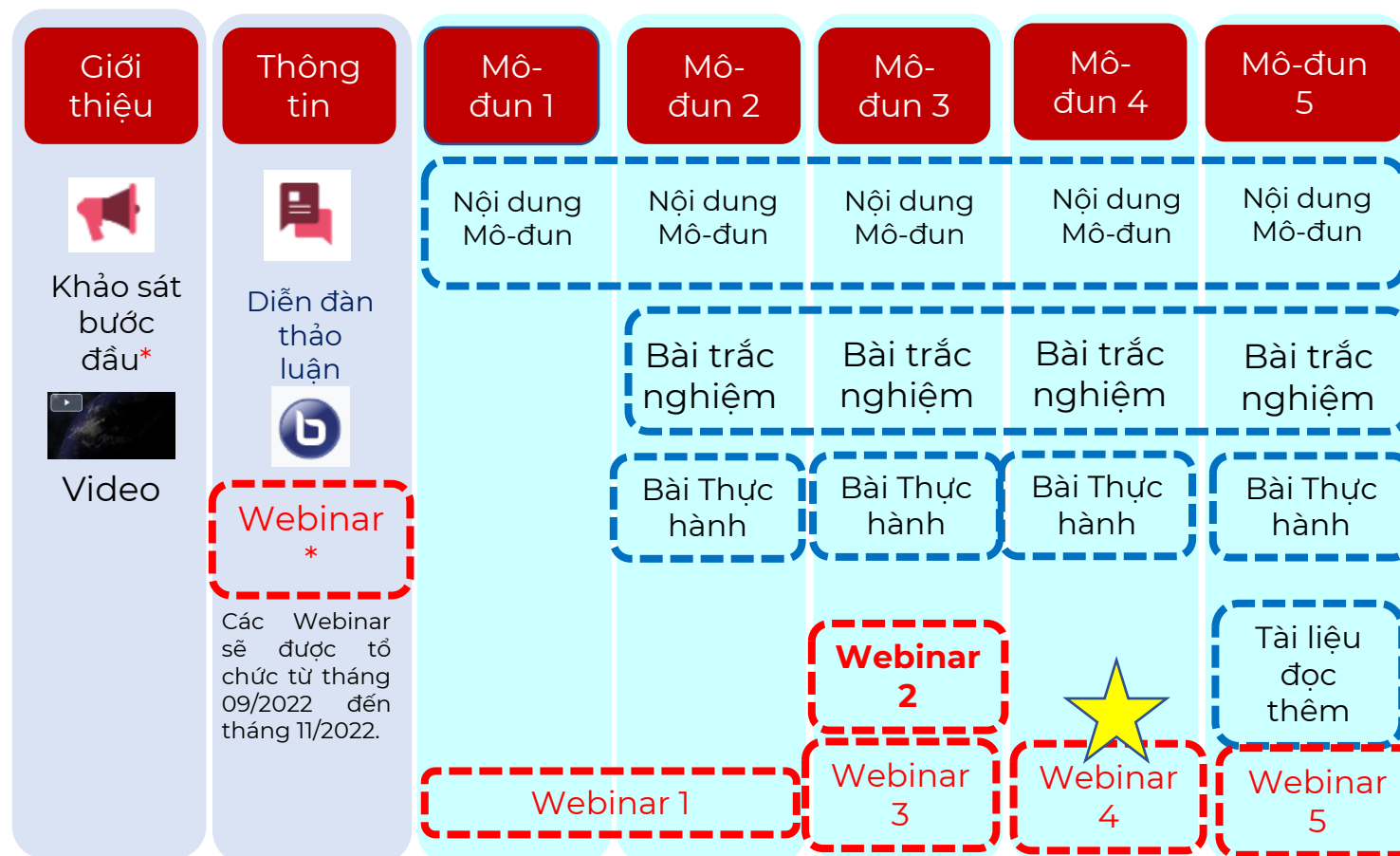
Thực thi bởi

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Vets | Energy

ET
ENERTEAM

Cấu trúc học phần CAT



Lưu ý:

*: Khảo sát bước đầu bắt buộc hoàn thành để tham gia khóa học

*: Khuyến khích học viên học nội dung mô-đun trước khi tham gia Webinar tương ứng

--- : Có chuyên gia hướng dẫn (bắt buộc)

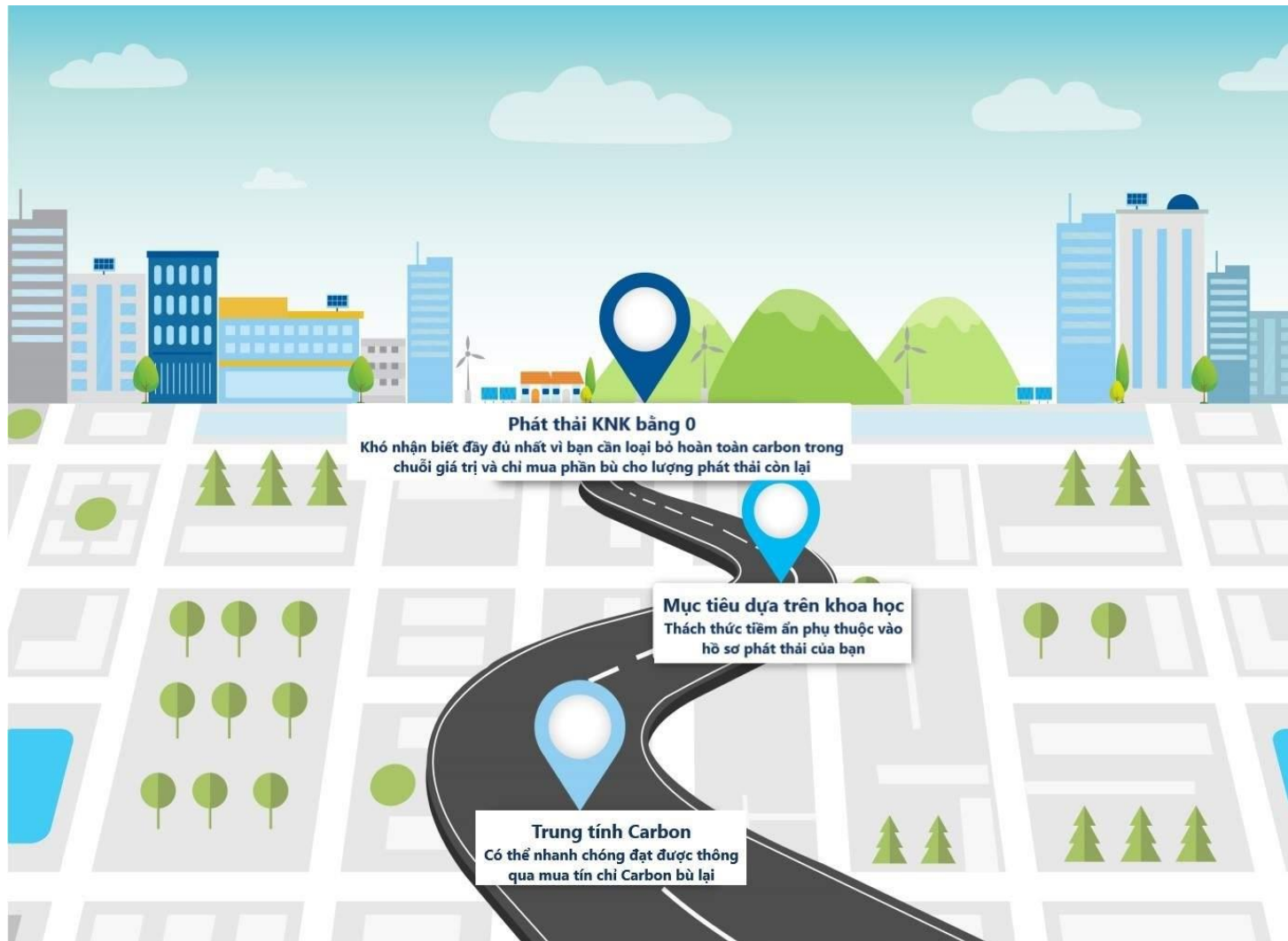
- - - : Tự học (khuyến khích)

Mô-đun 4 – Thiết lập mục tiêu

Tóm tắt nhanh



Các thuật ngữ phổ biến về thiết lập mục tiêu



Các nhãn hàng không phải lúc nào cũng yêu cầu nhà cung cấp của họ đặt mục tiêu dựa trên khoa học hoặc phát thải KNK bằng 0.

Các nhà cung cấp được yêu cầu tự đặt mục tiêu.



Tại sao các nhà cung cấp nên đặt mục tiêu?

Năm cơ sở và mức độ cam kết

Việc thiết lập năm cơ sở là rất quan trọng để có thể thiết lập mục tiêu đáng tin cậy. Có 2 cách tiếp cận chung để thiết lập **năm cơ sở**

Mục tiêu cố định

- Sử dụng một năm tham chiếu cố định trong quá khứ
- So sánh theo thời gian dựa trên những gì được kiểm soát bởi công ty trong **năm hoàn thành mục tiêu**

Mục tiêu có thể xét lại

- Sử dụng năm trước như một tài liệu tham chiếu
- So sánh theo thời gian dựa trên những gì được kiểm soát bởi công ty trong **những năm được báo cáo**

Những điều cần cân nhắc khi chọn năm cơ sở:

1. **Có sẵn dữ liệu có thể xác minh** được về phạm vi phát thải
2. Năm cơ sở phải **đại diện cho phát thải KNK điển hình** của công ty.

**Năm
hoàn
thành**

Mục tiêu ngắn hạn

Mục tiêu dài hạn

**Mức độ
cam
kết**

Một năm

Nhiều năm

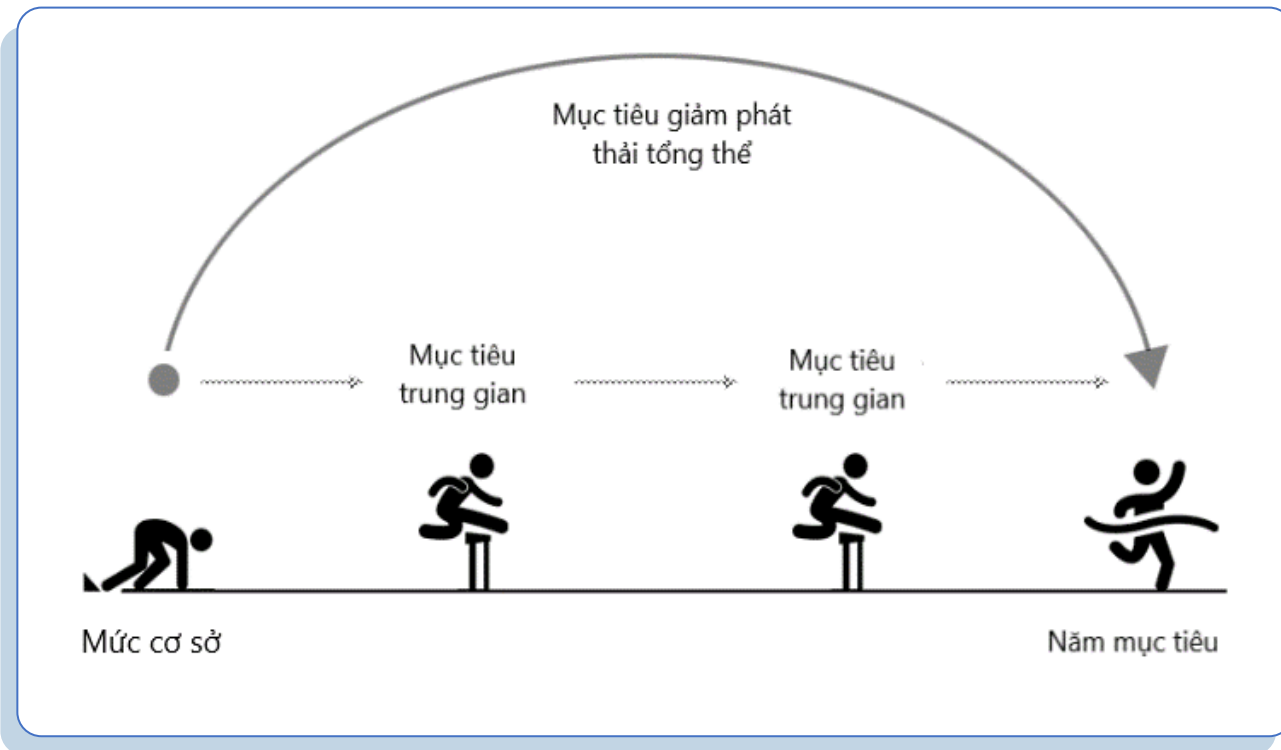
Mức cơ sở và giới thiệu về thiết lập mục tiêu

Tóm tắt nhanh về những gì anh/chị đã học được

Mức cơ sở là một điểm tham chiếu để đo lường tiến trình giảm phát thải KNK



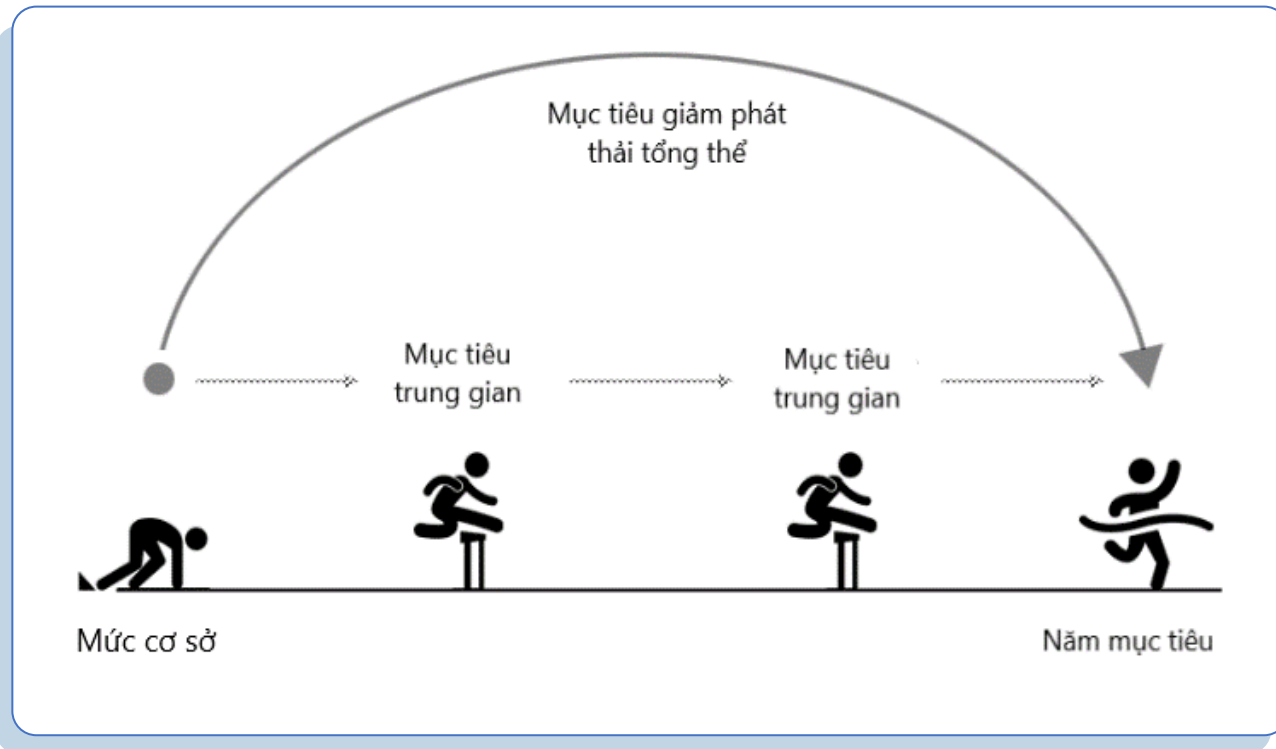
Khi nào công ty nên tính toán lại mức cơ sở của họ?



Mức cơ sở và giới thiệu về thiết lập mục tiêu

Tóm tắt nhanh về những gì anh/chị đã học được

Mức cơ sở là một điểm tham chiếu để đo lường tiến trình giảm phát thải KNK



Khi nào một công ty nên tính toán lại mức cơ sở của họ?

Các nhà máy bị đóng cửa

Chuyển quyền sở hữu cơ sở

Mua nhà xưởng mới

Thay đổi các hệ số phát thải do sai sót trước đó

Các nguồn phát thải mới đóng góp hơn 5% vào tổng lượng phát thải

Công ty có sự thay đổi cơ cấu

Ranh giới mục tiêu

Hãy nhớ lại cách phân chia phạm vi và ranh giới đã được mô tả ở Mô-đun 3!



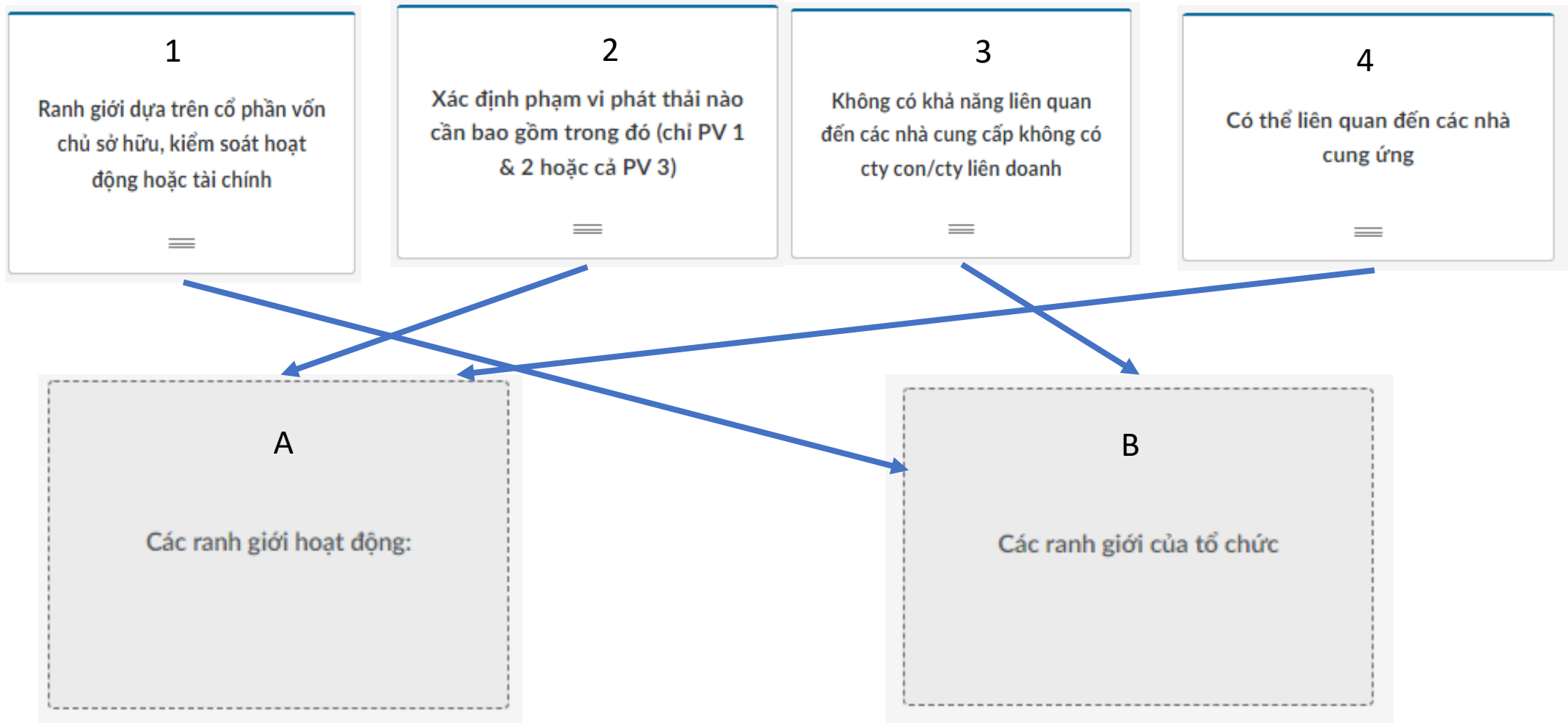
Các ranh giới của **tổ chức**



Các ranh giới của **hoạt động**

Ranh giới mục tiêu

Hãy cùng nhau thực hành lại việc xác định ranh giới



Loại mục tiêu

Mục tiêu tuyệt đối (Absolute targets)

Mô tả sự giảm phát thải (tổng) **tuyệt đối** theo thời gian.

Ví dụ:

Giảm 30% tổng lượng phát thải KNK so với mức cơ sở năm 2019 vào năm 2030, hoặc

Giảm 5.000 tCO₂e so với tổng mức phát thải KNK cơ sở năm 2019 vào năm 2030

Mục tiêu cường độ (Normalized targets)

Mô tả sự giảm phát thải dựa trên **cường độ vật lý** (ví dụ trên mỗi kWh, tấn, met vải, đôi giày...) hoặc **cường độ kinh tế** (ví dụ giảm phát thải KNK trên mỗi USD giá trị gia tăng)

Ví dụ:

Giảm 30% phát thải KNK trên mỗi tấn vải từ năm 2019 đến năm 2030, hoặc

Giảm 5 tCO₂e trên mỗi tấn vải từ năm 2019 đến năm 2030.

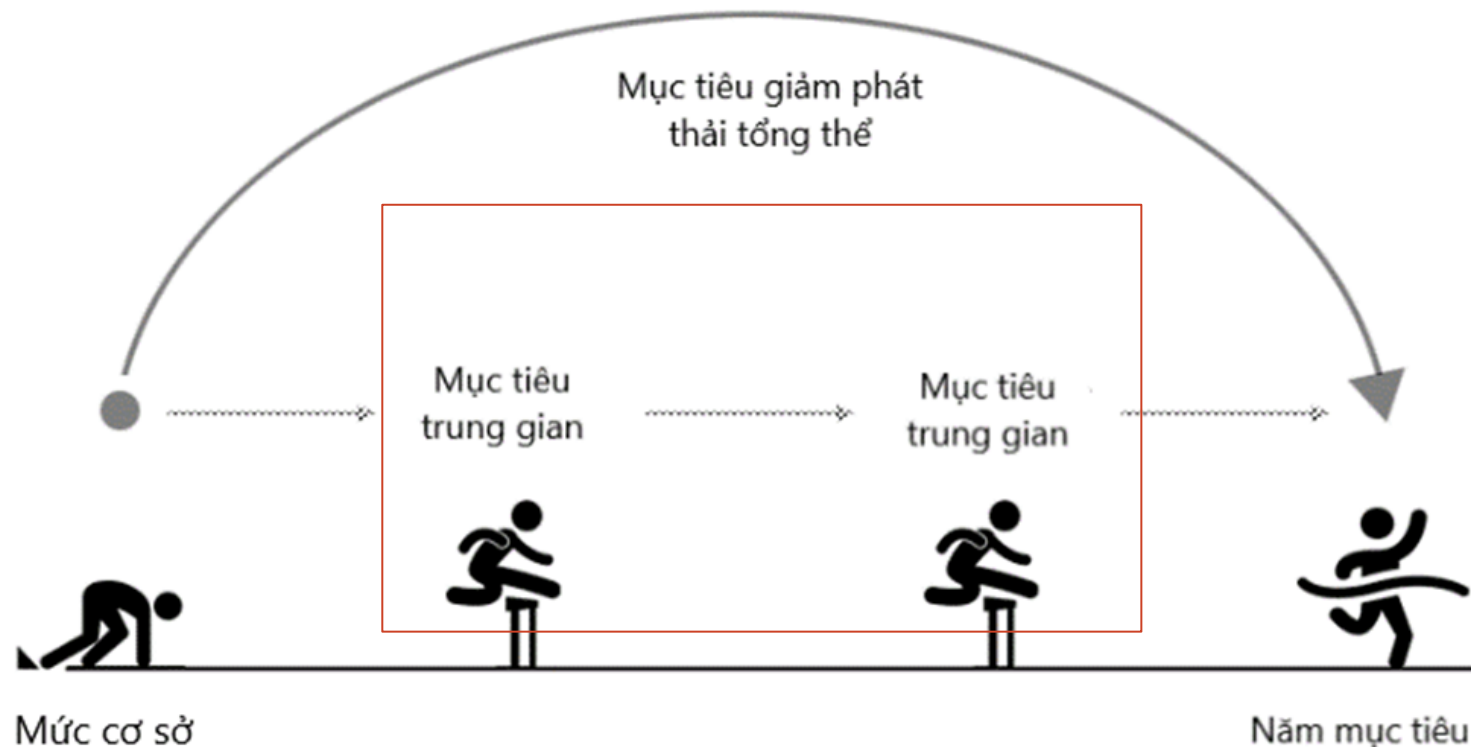
Loại mục tiêu

	Mục tiêu tuyệt đối	Mục tiêu dựa trên cường độ vật lý	Mục tiêu cường độ kinh tế
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none">• Kỳ vọng mạnh mẽ• Bền vững và đáng tin cậy hơn về mặt môi trường	<ul style="list-style-type: none">• Cải thiện hiệu suất KNK không phụ thuộc vào sự tăng trưởng hoặc suy giảm của doanh nghiệp.• Phù hợp hơn với các chiến lược giảm phát thải• Phù hợp đối với các nhà cung ứng và nhà sản xuất có lượng phát thải Phạm vi 1 và 2 đáng kể.	<ul style="list-style-type: none">• Phù hợp cho những Công ty sản xuất sản phẩm đa dạng• Phù hợp với những Công ty đang trên đà tăng trưởng nhanh
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none">• Không cho phép so sánh cường độ/hiệu quả KNK• Mục tiêu có thể khó đạt được hơn đối với một công ty dẹt đang phát triển	<ul style="list-style-type: none">• Kém bền vững và ít đáng tin cậy hơn về mặt môi trường• Các công ty có hoạt động đa dạng có thể gặp khó khăn trong việc xác định một thước đo kinh doanh chung về cường độ vật lý• Các mục tiêu cường độ cần phải đảm bảo thêm rằng chúng đủ kỳ vọng để phù hợp với trường hợp khí hậu dưới 2°C.	<ul style="list-style-type: none">• Không phải là cơ sở tốt nhất cho lĩnh vực may mặc và giày dép vì giá cả của các sản phẩm khác nhau.• Kém bền vững về môi trường (biến động kinh tế) và khó theo dõi tiến độ mục tiêu• Các mục tiêu cường độ cần phải đảm bảo thêm rằng chúng đủ kỳ vọng để phù hợp với trường hợp khí hậu dưới 2°C

Không có hướng dẫn cụ thể mục tiêu nào là tối ưu cho ngành thời trang

Mục tiêu tạm thời và mức độ kỳ vọng

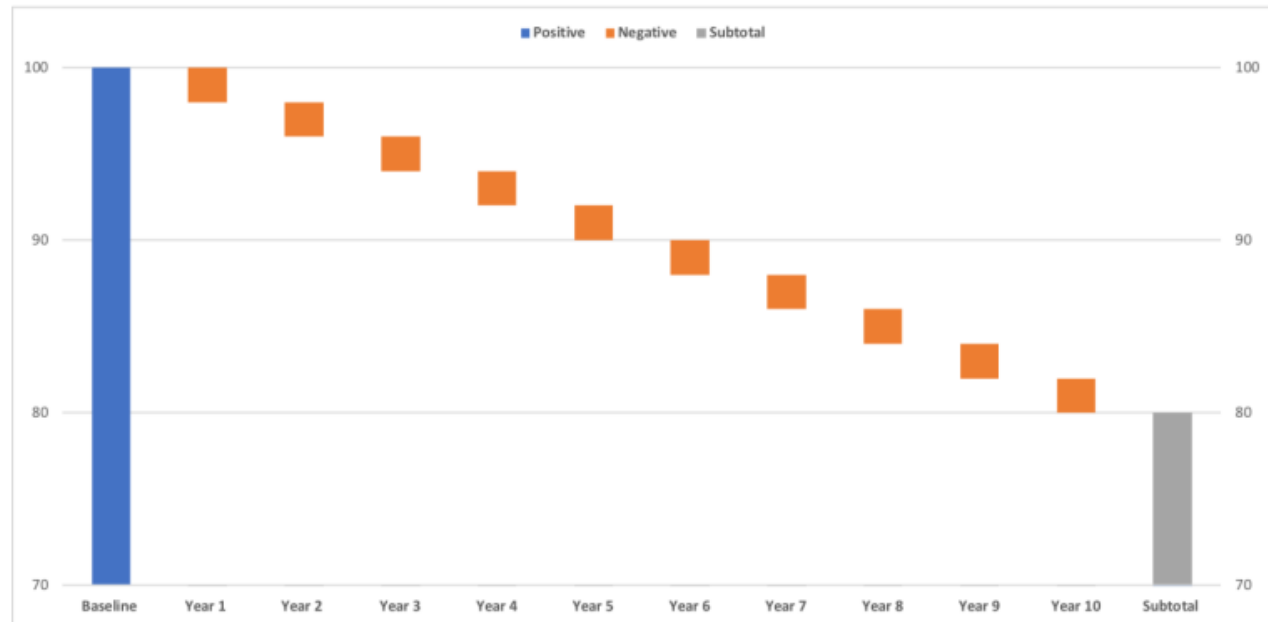
Một công ty thường **chia nhỏ** các mục tiêu thành **các mục tiêu hàng năm** để theo dõi tiến độ



Mục tiêu tạm thời và mức độ kỳ vọng

Năm	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Mục tiêu giảm so với mức phát thải cơ sở	2%	4%	6%	8%	10%	12%	14%	16%	18%	20%
Lượng phát thải còn lại so với mức phát thải cơ sở	98%	96%	94%	92%	90%	88%	86%	84%	82%	80%

Để đạt được mức giảm 20% KNK từ năm cơ sở 2020 đến năm 2030, công ty có thể cần đặt ra lộ trình giảm phát thải 2% mỗi năm.



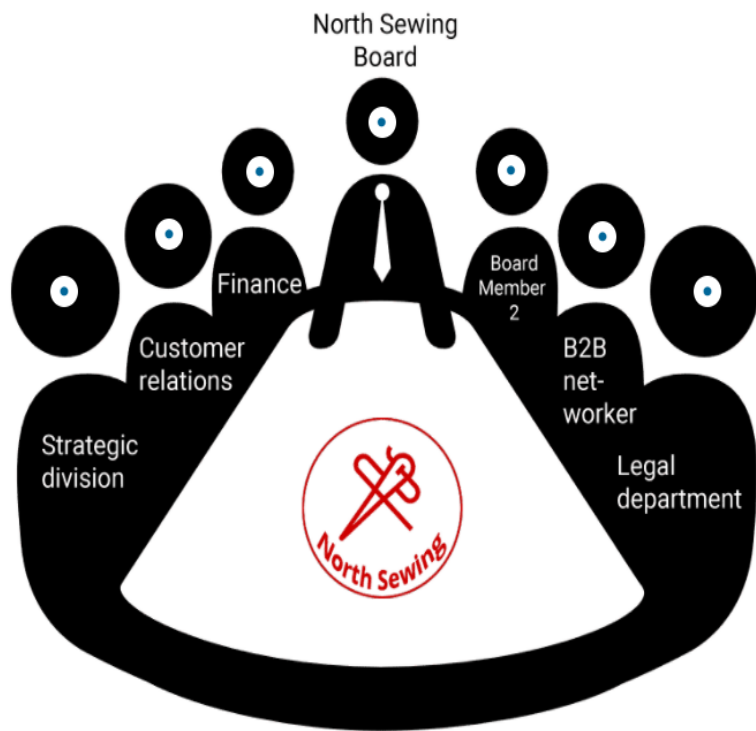
10 phút giải lao





Cách thiết lập mục tiêu phù hợp

Cách thiết lập mục tiêu phù hợp



Ai nên tham gia vào việc thiết lập mục tiêu?



Quy trình thiết lập mục tiêu



Mục tiêu SMART là mục tiêu thỏa các tiêu chí

S – cụ thể

Muốn đạt/Loại bỏ cái gì? Tăng/giảm cái gì?

M – đo lường được

Con số cụ thể là bao nhiêu?

A – có thể đạt được

Có khả thi? Có quá thấp/cao?

R – thực tế

Có phù hợp với tình hình thực tế?

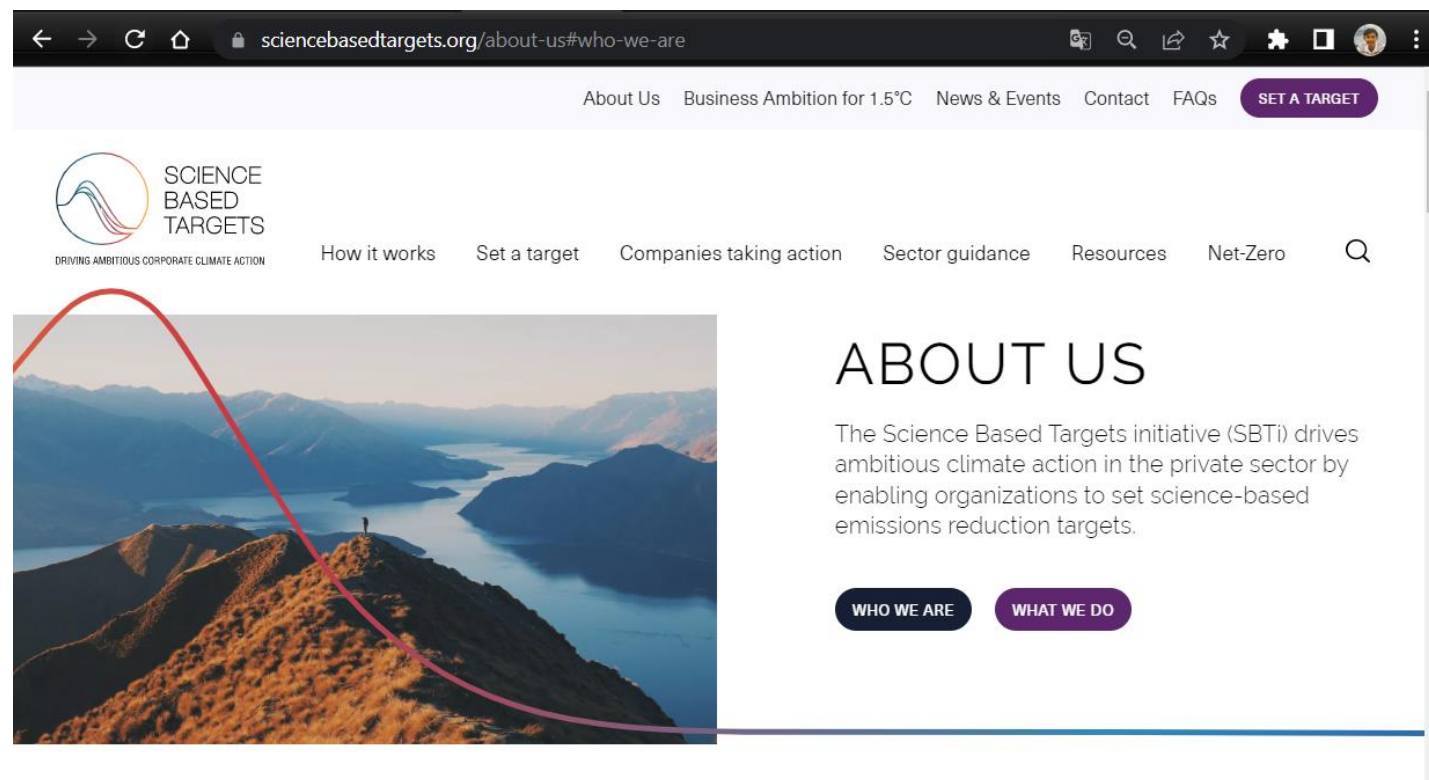
T – thời gian xác định

Khi nào thì hoàn thành?

Cách thiết lập mục tiêu phù hợp

Mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học (Science-based targets) cung cấp một lộ trình cụ thể cho các công ty và tổ chức tài chính hướng đến giảm phát thải KNK, giúp ngăn chặn các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và các yếu tố cản trở phát triển kinh doanh trong tương lai.

Các mục tiêu được xem là 'dựa trên cơ sở khoa học' nếu chúng phù hợp với những gì mà khoa học khí hậu mới nhất cho là cần thiết để đáp ứng các mục tiêu của Thỏa thuận Paris - hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp.



Nguồn: <https://sciencebasedtargets.org/faqs#what-are-science-based-targets>

Cách thiết lập mục tiêu phù hợp

Quá trình thiết lập mục tiêu theo SBTi*



Nguồn: <https://sciencebasedtargets.org/resources/files/Net-zero-deep-dive-webinar-slides.pdf>

* Quá trình này dành cho các công ty lớn. SBTi cung cấp một lộ trình hợp lý cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cách thiết lập mục tiêu phù hợp

4 tài liệu tham khảo chính cho việc thiết lập mục tiêu Net-Zero

Getting Started Guide

Hướng dẫn từng bước đơn giản cho phép các công ty hiểu cách đặt mục tiêu Net-Zero.

SBTi Corporate Net-Zero Standard

Cung cấp các tiêu chí, hướng dẫn và khuyến nghị để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thiết lập các mục tiêu Net-Zero.

SBTi Corporate Net-Zero Criteria

Các tiêu chí mà các mục tiêu Net-Zero của công ty phải đáp ứng để được SBTi phê duyệt.

Net-Zero Tool

Công cụ thiết lập mục tiêu để tính toán các mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học dài hạn phù hợp với Net-Zero Standard.



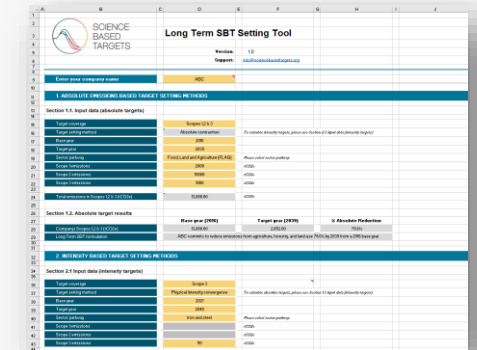
[Link](#)



[Link](#)



[Link](#)



DRIVING AMBITIOUS CORPORATE CLIMATE ACTION

[Link](#)

Cách thiết lập mục tiêu phù hợp



TABLE OF CONTENTS

Executive Summary	2	4. How to Set a Scope 3 Target	24
Highlights	2	4.1 SBTi Criteria and Recommendations—Version 4.0	24
Context	2	4.2 Methods for Setting SBTs for Scope 3 for Apparel and Footwear Companies	26
Guidance Objectives and Audience	2	5. Additional Guidance on Purchased Goods and Services (Category 1)	30
Summary of Scope 1, 2, and 3 Requirements	4	5.1 Overview and Context	30
Call to Action and Collaboration	5	5.2 Methods for Calculating Emissions from Purchased Goods and Services	32
1. Introduction	6	6. Additional Guidance on Use of Sold Products (Category 11)	34
1.1 Global Context	6	6.1 Overview and Context	34
1.2 Defining Science-Based Targets	6	6.2 Options for Setting Targets for Indirect Use-Phase Emissions	34
1.3 Overview of the Science Based Targets Initiative	6	7. GHG Reduction Framework	36
1.4 Why Guidance for the Apparel and Footwear Sector?	8	8. Opportunities for Collaboration and Related Resources	38
1.5 Objectives of the Guidance	8	References	40
1.6 Audience and How to Use This Document	8		
1.7 Guidance Development Process	8		
1.8 Approved Targets and Commitments	10		
2. Overview of the Apparel and Footwear Industry	12		
2.1 Sector Economics	12		
2.2 Key Trends	14		
2.3 The Apparel and Footwear Value Chain	15		
2.4 Value Chain Emissions	16		
3. How to Set an SBT for Scope 1 and 2 Emissions	18		
3.1 SBTi Criteria and Recommendations – Version 4.0	18		
3.2 Methods for Setting SBTs for Scopes 1 and 2 for Apparel and Footwear Companies	21		

Nguồn: Apparel and Footwear Sector: Science-Based Targets Guidance, [Link](#)

Kế hoạch hành động

Khoảng thời gian để hoàn thành các bước 1 - 4 sẽ là 6 - 12 tháng

Khoảng thời gian để hoàn thành bước 5 sẽ là 2 - 3 năm



Đánh giá kế hoạch hành động sau mỗi 3 - 5 năm

Bước 1:

Xác định các nguồn phát thải chính thuộc phạm vi 1 và phạm vi 2

Bước 2:

Xác định các cơ hội tiết kiệm năng lượng

Bước 3:

Phân tích tài chính các dự án tiết kiệm năng lượng, tính toán hiệu quả vốn đầu tư

Bước 4:

Phê duyệt ngân sách thực hiện các giải pháp khả thi

Bước 5:

Thực hiện giải pháp và đánh giá kết quả thực hiện

Bước 6:

Tiến hành đánh giá định kỳ kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động

Các chỉ số đo lường kết quả hoạt động (KPIs)

Sau khi xác định các biện pháp giảm phát thải, doanh nghiệp cần thiết lập KPIs cho phát thải Phạm vi 1 và 2.

KPIs là yếu tố rất quan trọng để đo lường và cập nhật tiến độ trong hành trình thực hiện mục tiêu khí hậu của doanh nghiệp.

Ví dụ: kWh/sản phẩm may mặc, kWh/kg vải, v.v..

Truyền thông và giám sát phát thải

Tiêu chuẩn/hướng dẫn thường được sử dụng để báo cáo



Nền tảng báo cáo?



Báo cáo phát triển bền vững hoặc đăng tải Website của tổ chức



Cho dù anh/chị sử dụng hướng dẫn hoặc nền tảng báo cáo nào, việc theo dõi tiến trình đều rất quan trọng!


- Kiểm tra hiệu suất thường xuyên, bao gồm việc **thu thập dữ liệu năng lượng và phát thải KNK hàng tháng**
- **Phân tích dữ liệu phát thải KNK thường xuyên** và chia sẻ trong nội bộ
- **Lập báo cáo kiểm kê phát thải KNK hàng năm**




**Báo cáo kiểm kê KNK theo
GHG Protocol và
Nghị định 06/2022/NĐ-CP**

Báo cáo kiểm kê KNK theo GHG Protocol


SUPPORTING DOCUMENTS



Amendments and Corrections
Required gases and GWP values
Date: February 2013 Size: 252.51 KB



Appendices
Base Year Adjustments
Date: March 2004 Size: 143.38 KB
Categorizing GHG Emissions from Leased Assets
Date: March 2004 Size: 104.56 KB
Hot Climate, Cool Commerce: A Service Sector Guide to Greenhouse Gas Management
Date: March 2004 Size: 2.69 MB
Working 9 to 5 on Climate Change
Date: March 2004 Size: 1.81 MB



Additional Resources
GHG Protocol Reporting Template
Date: February 2017 Size: 33.63 KB
Corporate Standard Training Webinar
Learn more
Calculation Tools
Learn more

GHG Protocol Reporting Template, [Link](#)

Báo cáo kiểm kê KNK theo GHG Protocol

This is not the official reporting template of the WRI/WBCSD GHG Protocol. It is a sample template meant to help outline the reporting requirements of the GHG Protocol Corporate Standard.

Greenhouse Gas Emissions Inventory

[COMPANY NAME]
[INVENTORY YEAR]

COMPANY
LOGO

Has this inventory been verified by an accredited third party?

No
 Yes (if yes, fill in verifier contact information below and attach verification statement)

Date of verification: MM/DD/YYYY

Verifier: _____

Email: _____

Phone: _____

Address: _____

REQUIRED INFORMATION

Have any facilities, operations and/or emissions sources been excluded from this inventory? If yes, please specify.

Reporting period covered by this inventory
From MM/DD/YYYY to MM/DD/YYYY

ORGANIZATIONAL BOUNDARIES
Which consolidation approach was chosen (check each consolidation approach for which your company is reporting emissions.) If your company is reporting according to more than one consolidation approach, please complete and attach an additional completed reporting template that provides your company's emissions data following the other consolidation approach(es).

Equity Share <input type="checkbox"/>	Financial Control <input type="checkbox"/>	Operational Control <input type="checkbox"/>
---------------------------------------	--	--

OPERATIONAL BOUNDARIES
Are Scope 3 emissions included in this inventory?

yes
no

If yes, which types of activities are included in Scope 3 emissions?

INFORMATION ON EMISSIONS
The table below refers to emissions independent of any GHG trades such as sales, purchases, transfers, or banking of allowances

EMISSIONS	TOTAL (mtCO ₂ e)	CO ₂ (mt)	CH ₄ (mt)	N ₂ O (mt)	HFCs (mt)	PFCs (mt)	SF ₆ (mt)
Scope 1							
Scope 2							
Scope 3 (OPTIONAL)							

Direct CO₂ emissions from Biogenic combustion (mtCO₂)

BASE YEAR
Year chosen as base year

Clarification of company-determined policy for making base year emissions recalculations

Context for any significant emissions changes that trigger base year emissions recalculations

Base year emissions

EMISSIONS	TOTAL (mtCO ₂ e)	CO ₂ (mt)	CH ₄ (mt)	N ₂ O (mt)	HFCs (mt)	PFCs (mt)	SF ₆ (mt)
Scope 1							
Scope 2							
Scope 3 (OPTIONAL)							

METHODOLOGIES AND EMISSION FACTORS
Methodologies used to calculate or measure emissions other than those provided by the GHG Protocol. (Provide a reference or link to any non-GHG Protocol calculation tools used)

Báo cáo kiểm kê KNK theo GHG Protocol

Optional Information

ORGANIZATIONAL BOUNDARIES

List of all legal entities or facilities over which reporting company has equity share, financial control or operational control	% equity share in legal entity	Does reporting company have financial control? (yes/no)	Does reporting company have operational control? (yes/no)

If the reporting company's parent company does not report emissions, include an organizational diagram that clearly defines relationship of the reporting subsidiary as well as other subsidiaries

INFORMATION ON EMISSIONS

Emissions disaggregated by source types

Scope 1: Direct Emissions from Owned/Controlled Operations	
a. Direct Emissions from Stationary Combustion	
b. Direct Emissions from Mobile Combustion	
c. Direct Emissions from Process Sources	
d. Direct Emissions from Fugitive Sources	
e. Direct Emissions from Agricultural Sources	
Scope 2: Indirect Emissions from the Use of Purchased Electricity, Steam, Heating and Cooling	
a. Indirect Emissions from Purchased/Acquired Electricity	
b. Indirect Emissions from Purchased/Acquired Steam	
c. Indirect Emissions from Purchased/Acquired Heating	
d. Indirect Emissions from Purchased/Acquired Cooling	

Emissions disaggregated by facility (recommended for individual facilities with stationary combustion emissions over 10,000 mtCO₂e)

Facility	Scope 1 emissions

Emissions disaggregated by country

Country	Emissions (specify Scopes included)

Emissions attributable to own generation of electricity, heat, or steam that is sold or transferred to another organization

Emissions attributable to the generation of electricity, heat or steam that is purchased for re-sale to non-end users

Optional Information

Emissions from GHGs not covered by the Kyoto Protocol (e.g., CFCs, NO_x)

Information on the causes of emissions changes that did not trigger a base year emissions recalculation (e.g., process changes, efficiency improvements, plant closures)

GHG emissions data for all years between the base year and the reporting year (including details of and reasons for recalculations, if appropriate)

Relevant ratio performance indicators (e.g. emissions per kilowatt-hour generated, sales, etc.)

An outline of any GHG management/reduction programs or strategies

ADDITIONAL INFORMATION

Information on any contractual provisions addressing GHG-related risks and obligations

An outline of any external assurance provided and a copy of any verification statement, if applicable, of the reported emissions data.

Information on the quality of the inventory (e.g., information on the causes and magnitude of uncertainties in emission estimates) and an outline of policies in place to improve inventory quality

Information on any GHG sequestration

INFORMATION ON OFFSETS

Information on offsets that have been purchased or developed *outside* the inventory boundary

Quantity of GHGs (mtCO ₂ e)	Type of offset project	Were the offsets verified/certified and/or approved by an external GHG program (e.g., CDM)

Information on reductions *inside* the inventory boundary that have been sold/transferred as offsets to a third party.

Quantity of GHGs (mtCO ₂ e)	Type of offset project	Were the offsets verified/certified and/or approved by an external GHG program (e.g., CDM)

Báo cáo kiểm kê KNK theo NĐ 06/2022/NĐ-CP

Mẫu số 06

TÊN CƠ SỞ PHẢI THỰC HIỆN
KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả kiểm kê khí nhà kính cho năm...

I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

- Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh ...
- Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật.
- Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất.

Mẫu Báo cáo kết quả kiểm kê KNK của cơ sở
(Mẫu 06 phụ lục II)

II. Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và số liệu hoạt động của cơ sở

- Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở.
- Cơ sở hạ tầng, công nghệ và hoạt động của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.
- Các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính trong phạm vi hoạt động của cơ sở.
- Hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở, xác định nguyên nhân các hạn chế trong kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

III. Kết quả thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính

- Mô tả phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính (phương pháp thu thập số liệu, hệ số phát thải).
- Số liệu hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính của cơ sở.
- Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.
- Độ tin cậy, tính đầy đủ, độ không chắc chắn của thông tin, số liệu về phát thải khí nhà kính và kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ SỞ

Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở theo NĐ 06/2022/NĐ-CP

Mẫu số 02

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở ...

I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh.
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật.
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất.

II. Thông tin về phát thải khí nhà kính và các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại cơ sở

1. Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở.
2. Cơ sở hạ tầng, công nghệ và hoạt động của cơ sở.
3. Các nguồn phát thải khí nhà kính, bể hấp thụ khí nhà kính và các loại khí nhà kính phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
4. Mức phát thải khí nhà kính dự kiến của cơ sở khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
5. Các công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được áp dụng tại cơ sở.

III. Kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở

1. Mô tả phương pháp tính toán mức giảm phát thải khí nhà kính.
2. Mô tả phương pháp thu thập số liệu hoạt động.
3. Kết quả số liệu hoạt động đã được thu thập.
4. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính năm ...
5. Độ tin cậy, độ không chắc chắn của mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

TM. TỔ CHỨC

Mẫu Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK
của cơ sở
(Mẫu 02, Phụ lục III)

Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở theo NĐ 06/2022/NĐ-CP

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở

I. Thông tin của cơ sở

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh ...
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

II. Kết quả kiểm kê khí nhà kính và dự kiến phát thải của cơ sở

- Mô tả, trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở đã được nêu trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.
- Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, xác định mức phát thải khí nhà kính dự kiến.

III. Mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

IV. Kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.
- Mô tả chi tiết phương pháp đo đạc lượng giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

V. Hoạt động giám sát, đánh giá

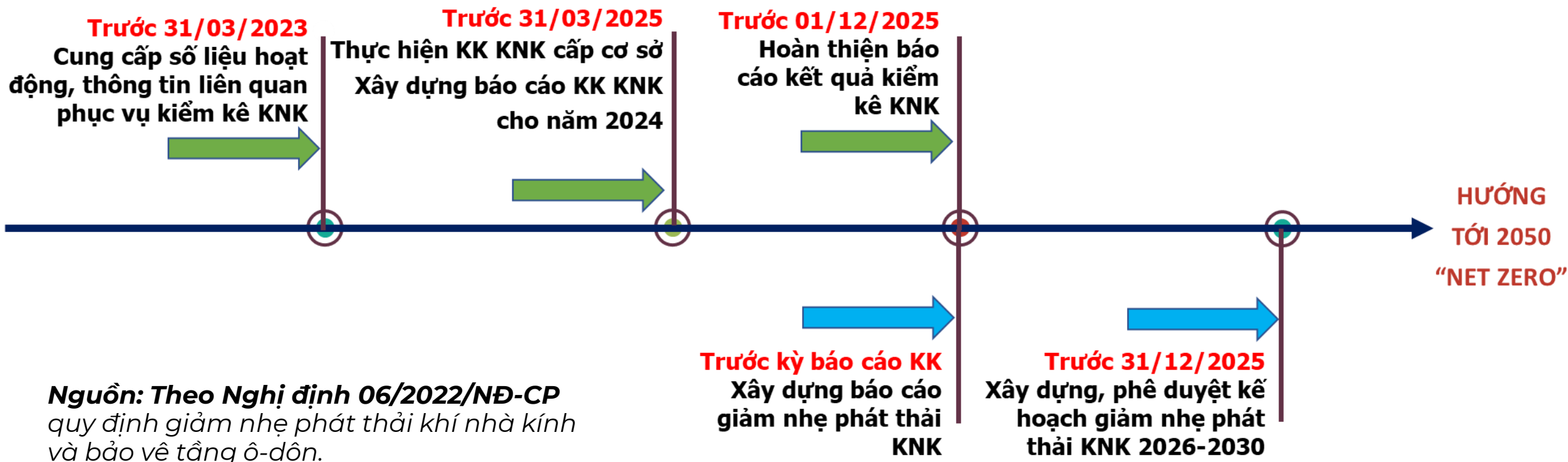
Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

VI. Chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật

Mẫu Kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK
của cơ sở
(Mẫu 02, Phụ lục IV)

Một số quy định pháp lý của Việt Nam

Trách nhiệm của cơ sở



Tài liệu tham khảo

1. Khóa đào tạo: “Hành động vì khí hậu cho ngành thời trang” trên Atingi, GIZ, FABRIC Asia, Global Climate Action.
2. Tài liệu GHG protocol: [GHG Protocol- A Corporate Accounting and Reporting Standard](#)
3. [Mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học](#) (SBTi).
4. [Nghị định 06/2022/NĐ-CP](#) quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn

CAT EE 2022 - 2023

được thực hiện trong khuôn khổ Sáng kiến Liên kết Toàn cầu (IGS)

Với sự tài trợ của



Hợp tác
Đức

DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Thực thi bởi

giz

Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

| **Vets**

